

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh – Ông Nguyễn Trung Diễn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2018/HSST-QĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoài Ngọc Ph. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: không. Sinh năm 1986, tại Đồng Nai. Nơi đăng ký NKTT: K4/136C, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: K4/295, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Làm thuê. Chức vụ (Đảng, chính quyền): không. Trình độ học vấn: 8/12. Con ông: Nguyễn Hoài S, đã chết và bà: Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1962. Họ và tên vợ: Phan Thị Xuân L, sinh năm 1987, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt ngày 21/3/2017 chuyển tạm giam theo lệnh số 232/LTG của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị can đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ thành phố B.

2. Nguyễn Hoài Ngọc N. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: không. Sinh năm 1994, tại Đồng Nai. Nơi đăng ký NKTT: K4/136C, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: K4/295, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Làm thuê. Chức vụ (Đảng, chính quyền): không. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông: Nguyễn Hoài S, đã chết và bà: Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1962. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt ngày 21/3/2017 chuyển tạm giam theo lệnh số 233/LTG của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị can đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ thành phố B.

3. Huỳnh Minh T. Tên gọi khác: không. Sinh năm 1987, tại Đồng Nai. Nơi đăng ký NKTT: K4/295, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: K4/295, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: không. Chức vụ (Đảng, chính quyền): không. Trình độ học vấn: 11/12. Con ông: Huỳnh Lương M, sinh năm 1958 và bà: Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1959. Họ và tên vợ: Lê Thị Minh Th, sinh năm 1992 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt ngày 21/3/2017 chuyển tạm giam theo lệnh số 234/LTG của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị can đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ thành phố B.

*** Người bị hại:** 1. Anh Lê Thành L, sinh năm 1994.

2. Anh Lê Văn Lm, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: K4/85C, KP.2, P.B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các bị hại: Luật sư Nguyễn Triệu Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

(Các bị cáo có mặt, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các bị hại có mặt, người bị hại anh Lm có mặt, anh L có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 20/3/2017, Huỳnh Minh T đi nhậu về gặp Lê Hoàng Ph (cá bống), Nguyễn Xuân H và 03 người bạn (chưa rõ họ tên và địa chỉ), T bị Hoàng Ph và H dùng tay đánh vào mặt T nhưng không gây thương tích. Sau khi bị đánh, T về nhà kể cho Nguyễn Hoài Ngọc Ph và Nguyễn Hoài Ngọc N nghe việc bị Hoàng Ph và H đánh (Ngọc Ph, N là anh em ruột và là em họ của T). Sau khi biết sự việc, N nhắn tin chửi Hoàng Ph và thách thức đánh nhau. Khoảng 23 giờ cùng ngày, Hoàng Ph đem theo một tuýp sắt rử Lê Thành Lc, Lê Văn Lm (là hai anh em ruột) cùng ngụ tại K4/85C, khu phố 2, phường B, thành phố B và 03 người bạn (chưa rõ họ tên, địa chỉ) đến nhà của N, Ngọc Ph tại số K4/295, khu phố 2, phường B, thành phố B, Hoàng Ph dùng tuýp sắt đập vào tường rào, Lm và L dùng đá ném vào nhà T và có lời thách thức đánh nhau với Ngọc Ph và T, sau đó bỏ đi.

Khoảng 11 giờ ngày 21/3/2017, tại đám giỗ nhà bà ngoại của anh em Ngọc Ph, N hỏi T nguyên nhân bị Hoàng Ph đánh, rồi Ngọc Ph, N và T cùng bàn bạc và thống nhất đi tìm Hoàng Ph, Lm, L để đánh trả thù.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 21/3/2017, Ngọc Ph điều khiển xe mô tô chở N đi đến quán cà phê không tên khu phố 2, phường B, TP B thì gặp L, L và N xảy ra cãi vã và thách thức đánh nhau. N lấy vỏ chai nước ngọt đánh trúng vào đầu L nhưng

không gây thương tích, L bỏ chạy. N chạy vào trong quán cà phê lấy một con dao cầm trên tay đuổi theo L nhưng được mọi người can ngăn, Ngọc Ph chở N về nhà.

Khoảng 15 giờ ngày 21/3/2017, sau khi về tới nhà, N vào bếp lấy một con dao Thái Lan dài khoảng 25 cm, Ngọc Ph lấy 01 con dao Inox dài khoảng 30 cm, lưỡi dao dài 20cm bản rộng 10cm, Ngọc Ph điều khiển xe mô tô biển số 61F3-1050 chở N đi tìm Hoàng Ph, L và Lm. Thấy Ngọc Ph chở N đi thì T nói Võ Minh Ch chở T đi theo. Khi đến đầu hẻm xóm M thuộc khu phố 2, phường B, thành phố B, Ngọc Ph và N gặp Hoàng Ph. Hoàng Ph thấy Ngọc Ph và N cầm dao nên bỏ chạy. Nghe tin, Hoàng Ph bị anh em Ngọc Ph dí đuôi, L cầm 01 (một) chiếc cuốc lưỡi sắt rộng 15cm cán gỗ dài 90cm, Lm cầm 01 (một) tuýp sắt dài khoảng 80cm chạy ra. Lúc này, T được Ch chở đến, T thấy anh em L cầm hung khí nên T nhặt một tuýp sắt dài khoảng 50cm ven đường. Lm cầm tuýp sắt, L cầm cuốc xông về phía anh em Ngọc Ph. L cầm cuốc đánh vào đầu Ngọc Ph, Ngọc Ph bỏ chạy, T dùng tuýp sắt đánh trúng vào đầu L, L đuổi theo Ngọc Ph và vấp ngã làm văng cuốc. Lúc này, Ngọc Ph nhặt cuốc đánh vào đầu L, N đuổi đánh Lm làm Lm té ngã thì N dùng dao đâm Lm nhiều nhất trúng vào cẳng chân phải, đùi phải, lưng của Lm làm một phần lưỡi dao bị gãy dính vào lưng của Lm. N còn dùng dao bị gãy tấn công L trúng bàn tay trái.

Vào ngày 21/3/2017, Nguyễn Hoài Ngọc Ph, Nguyễn Hoài Ngọc N và Huỳnh Minh T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B bắt giữ. Quá trình điều tra, Ngọc Ph, N và T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Ngày 29/3/2017, Lê Thành L có đơn yêu cầu khởi tố xử lý theo quy định pháp luật.

* Vật chứng thu giữ:

- + 01 (một) ống sắt tròn dài khoảng 80cm, phi 27 do Lm sử dụng để đánh nhau.
- + 01 (một) ống sắt tròn dài khoảng 50cm, phi 27 do T sử dụng.
- + 01 (một) con dao dài khoảng 30cm, rộng 10cm do Ph sử dụng.
- + 01 (một) lưỡi dao Thái Lan dài khoảng 05cm dính vào lưng của Lê Văn Lm do N sử dụng gây án.
- + 01 (một) chiếc cuốc lưỡi sắt rộng 15cm cán gỗ dài 90cm, do Ngọc Ph sử dụng để đánh anh L.

Đối với phần cán dao và lưỡi dao Thái Lan bị gãy do N sử dụng gây thương tích cho Lê Thành L và Lê Văn Lm. Sau khi gây án N vứt bỏ tại hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0192/GDPY/2017 ngày 27/3/2017 của Giám định viên Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Đồng Nai, kết luận anh Lê Thành L bị thương tích và xếp tỷ lệ thương tật như sau:

- Tồn thương dập não trán đỉnh trái kích thước 01cm (áp dụng chương 2, điều III, mục 1). Tỷ lệ: 31%.
- Tồn thương tụ máu ngoài màng cứng trán trái (áp dụng chương 2, điều III, mục 6). Tỷ lệ 21%.
- Tồn thương khuyết sọ đáy cứng bán cầu trái kích thước 07x5.5cm (áp dụng chương 2, điều 1, mục 5.3). Tỷ lệ: 30%.

- Tồn thương gãy xương bàn V tay trái (áp dụng chương 8, điều III, mục 4.1). Tỷ lệ: 06%.

- Tồn thương gãy đốt 1 ngón IV, V tay trái (áp dụng chương 8, điều IV, mục 7.2). Tỷ lệ: 02%.

- Vết thương chằm-đỉnh giữa kích thước 02x0.3cm, vết thương thái dương-đỉnh kích thước 1,5x0.2cm và vết thương ô mô út bàn tay trái kích thước 02x0.3cm (áp dụng chương 9, điều I, mục 1). Tỷ lệ: 03%.

- Tỷ lệ tồn thương cơ thể (áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 66%.

- Kết luận khác:

+ Thương tích chằm-đỉnh giữa và bàn tay trái do vật tày.

+ Thương tích thái dương-đỉnh trái do vật sắc.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0193/GDPY/2017 ngày 24/3/2017 của Giám định viên Trung tâm pháp y Sỡ y tế Đồng Nai kết luận anh Lê Văn Lm bị thương tích và xếp tỷ lệ thương tật như sau:

- Vết thương thất lưng (bao gồm cả vết mổ) kích thước 05x0.2cm, vết thương đùi kích thước 1.5x0.3cm và vết thương cẳng chân phải kích thước 02x0.2cm (áp dụng chương 9, điều I, mục 1). Tỷ lệ: 03%.

- Tỷ lệ tồn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 03%.

- Kết luận khác:

+ Vật gây thương tích: Vật sắc.

Nguyễn Hoài Ngọc Ph bị Lê Thành L dùng cuộc đánh vào đầu bị thương tích nhẹ nên không yêu cầu giám định.

Trong quá trình điều tra:

- Anh Lê Thành L yêu cầu bồi thường số tiền 211.805.749đồng (Hai trăm mười một triệu tám trăm lẻ năm nghìn bảy trăm bốn mươi chín đồng). Anh Lê Văn Lm yêu cầu bồi thường số tiền 200.476.000đồng (Hai trăm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Ph, N và T đã bồi thường cho anh L số tiền 28.500.000đ và bồi thường cho anh Lm số tiền 20.000.000đ.

Đối với xe mô tô biển số 61F3-1050 thuộc sở hữu của chị Phan Thị Xuân Ln cho Nguyễn Hoài Ngọc N mượn nhưng không biết N sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu giữ.

Tại Cáo trạng số 96/CT/VKS-HS ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân TP. B truy tố các bị cáo Nguyễn Hoài Ngọc Ph, Nguyễn Hoài Ngọc N và Huỳnh Minh T về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.B trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt: bị cáo Nguyễn Hoài Ngọc Ph mức án từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù; Nguyễn Hoài Ngọc N từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù và Huỳnh Minh T mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho những người bị hại là Luật sư Nguyễn Triệu Q tranh luận: đến ngày hôm nay các bên bị cáo và người bị hại đã nhìn nhận được lỗi của mình và cùng nhau thỏa thuận mức bồi thường nhằm khắc phục hậu quả. Những người bị hại cũng đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Tuy nhiên các bị cáo chưa bồi thường hết cho người bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới tiếp tục bồi thường cho người bị hại theo đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình: Do có mâu thuẫn trong sinh hoạt Huỳnh Minh T bị Lê Hoàng Ph đánh dẫn đến mâu thuẫn giữa anh em T, Nguyễn Hoài Ngọc Ph và Nguyễn Hoài Ngọc N với nhóm Lê Hoàng Ph, Lê Thành L, Lê Văn Lm. Khoảng 15 giờ ngày 21/3/2017, tại xóm M thuộc khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Hoài Ngọc Ph, Nguyễn Hoài Ngọc N và Huỳnh Minh T đánh nhau với Lê Thành L, Lê Văn Lm. Trong lúc, đánh nhau, Ngọc Ph, N và T có hành vi dùng cuốc, tuýp sắt và dao Thái Lan đánh, đâm trúng vào đầu trái, tay trái của Lê Thành L gây thương tích với tỉ lệ thương tật 66% và dùng dao đâm trúng vào cẳng chân phải, đùi phải, lưng của Lê Văn Lm gây thương tích với tỉ lệ thương tật 03%. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ vụ án, từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Hoài Ngọc Ph, Nguyễn Hoài Ngọc N và Huỳnh Minh T phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 như Cáo trạng đã truy tố.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm an toàn, trật tự công cộng, làm thiệt hại đến sức khỏe của anh L và anh Lm được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người đã trưởng thành, khi xảy ra mâu thuẫn với người bị hại các bị cáo không tìm chế được bản thân mà bất chấp các qui định của pháp luật. Các bị cáo đã dùng cuốc, tuýp sắt, dao Thái Lan gây thương tích cho người bị hại L tỉ lệ thương tật 66%, người bị hại Lm tỉ lệ thương tật 03% nên hành vi phạm tội của các bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung là dùng hung khí nguy hiểm và gây thương tích cho người khác với tỷ lệ thương tật là 66% . Vì vậy hành vi của các bị cáo bị truy tố tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là phù hợp với các quy định tại Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Trong vụ án này các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, bị cáo Ph là người tích cực thực hiện hành vi gây thương tích, thương tích của bị hại L chủ yếu là do bị cáo Ph gây ra nên bị cáo Ph phải chịu trách nhiệm và vai trò chính trong vụ án đồng thời chịu mức hình phạt cao nhất trong vụ án.

Đối với bị cáo N đã có hành vi tích cực gây thương tích cho người bị hại và thương tích chính của bị hại Lm là do bị cáo N gây ra nên bị cáo N có vai trò thứ hai trong vụ án và phải chịu mức hình phạt sau bị cáo Ph.

Bị cáo T khi đến sau thấy N và Ph đang đánh nhau với người bị hại không can ngăn mà còn cùng bị cáo Ph gây thương tích cho người bị hại L nên phải chịu vai trò sau cùng và mức án thấp hơn bị cáo Ph và N.

Do đó, cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[2] Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; đã bồi thường một phần chi phí điều trị cho các bị hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo Ph, N là anh em ruột, bị cáo T là anh em họ với các bị cáo N, Ph; trong vụ án này người bị hại cũng có một phần lỗi là gây sự thách thức đánh nhau với các bị cáo trước. Căn cứ Điều 58 BLHS 2015 quy định về đồng phạm, Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để quyết định hình phạt cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo pháp luật nhà nước ta.

Vị luật sư tranh luận không có ý kiến gì về phần tội danh, đề nghị HĐXX xem xét theo nội dung đơn xin giảm nhẹ của các bị hại và đề nghị HĐXX giải quyết phần bồi thường theo yêu cầu của người bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) ống sắt tròn phi 27 dài khoảng 80cm; 01 (một) ống sắt tròn phi 27 dài khoảng 50cm; 01 (một) dao dài khoảng 30cm, rộng 10cm; 01 (một) phần lưỡi dao Thái Lan dài khoảng 05cm; 01 (một) chiếc cuốc lưỡi sắt rộng 15cm cán gỗ dài 90cm.

Đối với phần cán dao và lưỡi dao Thái Lan bị gãy do N sử dụng gây thương tích cho Lê Thành L và Lê Văn Lm. Sau khi gây án N vứt bỏ tại hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được.

[4] Về dân sự: anh L và anh Lm đã nhận thêm số tiền bồi thường là 50.000.000đ của các bị cáo và yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh L 75.000.000đ và anh Lm 25.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đồng ý tiếp tục liên đới bồi thường theo yêu cầu của người bị hại nên ghi nhận. Buộc các bị cáo Ph, N, T phải liên đới bồi thường cho anh L 75.000.000đ và anh Lm 25.000.000đ cụ thể chia ra: bị cáo N phải bồi thường 10.000.000đ, bị cáo T phải bồi thường 7.500.000đ, bị cáo Ph phải bồi thường 7.500.000đ cho anh Lm; bị cáo Ph phải bồi thường 35.000.000đ, bị cáo N phải bồi thường 20.000.000đ, bị cáo T phải bồi thường 20.000.000đ cho anh L.

[5] Đối với xe mô tô biển số 61F3-1050 thuộc sở hữu của chị Phan Thị Xuân Ln cho Nguyễn Hoài Ngọc N mượn nhưng không biết N sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu giữ.

[6] Đối với Võ Minh Ch có hành vi chở Huỳnh Minh T đến hiện trường và chở T về. Kết quả điều tra chưa đủ cơ sở chứng minh Ch cùng Nguyễn Hoài Ngọc Ph,

Nguyễn Hoài Ngọc N và Huỳnh Minh T bàn bạc rủ nhau đi đánh bị hại và Ch không tham gia nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Ch.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoài Ngọc Ph, Nguyễn Hoài Ngọc N và Huỳnh Minh T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, s, khoản 1,2 Điều 51, điều 58, khoản 1 Điều 47, điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điều 590, 468 BLDS.

Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử phạt: Nguyễn Hoài Ngọc Ph 05 (năm) năm tù.

Nguyễn Hoài Ngọc N 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Huỳnh Minh T 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày 21/3/2017.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoài Ngọc Ph phải bồi thường cho anh Lê Văn Lm 7.500.000đ, anh Lê Thành L 35.000.000đ.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoài Ngọc N phải bồi thường cho anh Lê Văn Lm 10.000.000đ, anh Lê Thành L 20.000.000đ.

Buộc bị cáo Huỳnh Minh T phải bồi thường cho anh Lê Văn Lm 7.500.000đ, anh Lê Thành L 20.000.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) ống sắt tròn phi 27 dài khoảng 80cm; 01 (một) ống sắt tròn phi 27 dài khoảng 50cm; 01 (một) dao dài khoảng 30cm, rộng 10cm; 01 (một) phần lưỡi dao Thái Lan dài khoảng 05cm; 01 (một) chiếc cuốc lưỡi sắt rộng

15cm cán gỗ dài 90cm tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự TP B.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Ph phải nộp 2.125.000đ, bị cáo N phải nộp 1.500.000đ, bị cáo T phải nộp 1.375.000đ án phí DSST.

Các bị cáo, anh Lm được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND tỉnh,
- VKSND TP.B,
- THA B,
- Bị cáo,
- Bị hại,
- Lưu.

Thái Thị Thanh Bình